

Phần	Câu/Ý	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	4.0
	1	Bài thơ được viết theo thể : Thất ngôn bát cú đường luật Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như Đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0.5
	2	Trong văn bản bà Tú được so sánh với hình ảnh : - “ Con cò ” trong câu thơ : <i>Lặn lội thân cò khi quãng vắng</i> - Hình ảnh “con cò” gợi lên sự lam lũ, vất vả, tàn tảo của bà Tú trong cuộc sống mưu sinh. Đây là một hình tượng quen thuộc trong văn học dân gian Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý cho 0,25 điểm.. - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	0,5
	3	Em hiểu thế nào về câu : “ Một duyên hai nợ âu đành phận” , -Câu thơ là sự kết hợp giữa tình yêu thương, sự trân trọng và cả nỗi áy láy của Trần Tế Xương dành cho vợ. -Phản ánh sự hi sinh của bà Tú, đồng thời là tiếng nói nhân văn thể hiện sự tri ân với người phụ nữ trong xã hội phong kiến Hướng dẫn chấm: - Học sinh đủ 02 ý, diễn đạt khác nhưng có ý nghĩa tương tự: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0.5 điểm - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	1.0
	4	Tác dụng của nghệ thuật đối ở 2 câu thực: -“Lặn lội thân cò khi quãng vắng Eo xèo mặt nước buổi đò đông” *Đối ý: -“Lặn lội thân cò khi quãng vắng” nhấn mạnh sự cô độc, vất vả trong không gian hoang vắng, lạnh lẽo - “Eo xèo mặt nước buổi đò đông” lại nói đến cảnh bươn chải trong không gian đông đúc, xô bồ nhưng vẫn đầy khó khăn và áp lực. * Đối hình ảnh “ Lặn lội thân cò” . Hình ảnh con cò gắn với sự tàn tảo, lam lũ, đặc biệt là người phụ nữ -“ Eo xèo mặt nước” âm thanh xô bồ gợi sự xô đẩy, tranh giành nơi chốn đông người Hướng dẫn chấm: - Học sinh đủ 02 ý, diễn đạt khác nhưng có ý nghĩa tương tự: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0.5 điểm - Học sinh trả lời không đúng: không cho điểm.	1,0
	5	Học sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình. Lý giải hợp lí 1 điểm.	1,0
II		Phản viết	6.0
		Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói kiêu ngạo.	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận 600 chữ: Học sinh có thể trình bày bài văn : Mở bài, thân bài, kết bài	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thuyết phục người khác từ bỏ thói kiêu ngạo.	0,25

	<p><i>c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vấn đề thuyết phục người khác từ bỏ thói quen kiêu ngạo. Có thể triển khai theo hướng sau:</i></p> <p>1. Giải thích: Kiêu ngạo là luôn tự cho bản thân mình tài giỏi hơn người khác trong mọi khía cạnh, từ đó có thái độ coi thường những người xung quanh.</p> <p>2. Bàn luận:</p> <p>2.1. Tác hại của thói kiêu ngạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thói kiêu ngạo khiến người ta ảo tưởng về giá trị của bản thân, từ đó không nhận ra hoặc đánh giá sai lệch con người thực của mình, dẫn đến việc không có thái độ tinh táo và cách thức đúng đắn để phát triển bản thân. - Người kiêu ngạo luôn khinh thường người khác, bởi vậy họ thường bị người khác xa lánh, ghét bỏ, từ đó không xây dựng và duy trì được các mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống. Dần dà, những người kiêu ngạo sẽ bị cô lập. - Cũng vì coi thường người khác, người có thói kiêu ngạo sẽ không chịu lắng nghe người khác, không học hỏi được những điều hay lẽ phải từ người khác để bổ sung kiến thức và kinh nghiệm cho bản thân mình. - Người có thói kiêu ngạo thường sống nhờ vào sự công nhận của đám đông. Tuy nhiên, một khi đám đông nhận ra con người thực của họ và xa lánh, tẩy chay họ, người kiêu ngạo sẽ rơi vào trạng thái suy sụp tinh thần, từ đó có thể dẫn đến những hành vi tiêu cực. <p>2.2. Lợi ích của việc từ bỏ thói kiêu ngạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp bản thân nhận ra con người thật của mình, từ đó mà có chiến lược đúng đắn để phát triển bản thân. - Học hỏi được những điều bổ ích, tốt đẹp từ người khác. - Cải thiện các mối quan hệ đã có, tạo lập được các mối quan hệ mới. <p>2.3. Các giải pháp để khắc phục thói kiêu ngạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tác hại của thói kiêu ngạo và lợi ích to lớn khi từ bỏ thói kiêu ngạo. - Luôn ý thức rằng mình là con người chưa hoàn thiện, còn phải học hỏi rất nhiều. - Học cách tôn trọng người khác, có thái độ cầu thị, chịu lắng nghe và tiếp thu những điều bổ ích từ người khác. <p>3. Bài học rút ra cho bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra tác hại của thói kiêu ngạo. - Hình thành cho mình một thái độ sống khiêm tốn, chuẩn mực. 	5,0
	<p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm). - Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm). - Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm). <p>Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p>	
	<p>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.</p>	0,25
Tổng điểm	10,0	